

Bản án số: 1320/2018/KDTM-ST

Ngày: 25/9/2018

V/v: Tranh chấp giữa thành viên
công ty với công ty liên quan đến
hoạt động của công ty về chuyển
nhượng vốn góp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Ông Hà Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 45/2018/TLST- KDTM ngày 02/4/2018 về việc “Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty liên quan đến hoạt động của công ty về chuyển nhượng vốn góp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3950/2018/QĐST- KDTM ngày 31/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên T

Địa chỉ: 03 đường N, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Mai H (có mặt), sinh năm 1977, địa chỉ: 23.15 – Tháp M2, đường N8, khu dân cư phía bắc R, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2018.

- Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Đ.

Địa chỉ: 56/3 đường G, Phường 4, quận T. Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Văn K – Chức danh: Giám đốc (vắng mặt), hộ khẩu thường trú: 56/3 đường G, Phường 4, quận T. Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ khác: 16 đường P, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2018, lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Công ty TNHH Một thành viên T (sau đây viết tắt là Công ty T) là ông Hà Mai H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Công ty T là công ty nhà nước, chủ sở hữu thuộc Bộ Quốc Phòng.

Công ty T là thành viên góp vốn chiếm tỷ lệ 20% giá trị vốn góp trong Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Đ (sau đây viết tắt là Công ty Nhà Đ) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4102009664 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/5/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 19/5/2010.

Công ty T đã thực hiện việc góp vốn thành viên vào Công ty Nhà Đ theo các Ủy nhiệm chi thông qua Ngân hàng TMCP Q, cụ thể như sau:

- Ngày 11/3/2008 góp 2.500.000.000đồng;
- Ngày 16/9/2008 góp 2.500.000.000đồng;
- Ngày 15/01/2009 góp 3.000.000.000đồng;
- Ngày 30/6/2009 góp 5.000.000.000đồng;

Tổng cộng là 13.000.000.000đồng.

Trước khi góp vốn thành viên vào Công ty Nhà Đ nêu trên, Công ty T đã ký kết với Công ty Nhà Đ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 04/2007/HĐ-HTĐT ngày 30/7/2007. Theo hợp đồng này, Công ty T đã thực hiện việc góp vốn đầu tư với số tiền 8.707.500.000đồng theo Ủy nhiệm chi số 42/08 ngày 13/8/2007 tại Ngân hàng TMCP Q.

Ngày 05/5/2012, Công ty Nhà Đ đã ra Thông báo trích lục xác nhận phần vốn góp của Công ty T đối với phần vốn là thành viên công ty và phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên.

Do Công ty T là doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện theo Nghị quyết số 26 ngày 09/7/2012 của Chính phủ về việc yêu cầu tất cả công ty nhà nước phải thoái vốn đối với những lĩnh vực đầu tư ngoài ngành nên tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 05/11/2012, Hội đồng thành viên đã nhất trí thông qua và chấp nhận cho phép Công ty T thoái toàn khoản vốn đã góp vào Công ty Nhà Đ nêu trên, chậm nhất là ngày 31/12/2012.

Đối với phần góp vốn 8.707.500.000đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 04/2007/HĐ-HTĐT ngày 30/7/2007 thì Công ty T đã khởi kiện và được giải quyết tại Bản án số 178/2017/KDTM-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với phần góp vốn 13.000.000.000đồng thì giữa Công ty Nhà Đ và Công ty T đã ký Biên bản làm việc số 02/2015/ĐCT-TCT28-ĐĐ ngày 01/12/2015, theo đó Công ty Nhà Đ xác nhận phần vốn góp, đồng ý thoái vốn, mua lại toàn bộ phần vốn góp và cam kết sẽ thanh toán trả đủ số tiền vốn góp

đã mua lại nêu trên cho Công ty T. Đồng thời, ngày 01/12/2015, Công ty Nhà Đ và Công ty T ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ và Phụ lục số 01 ngày 11/01/2016, với nội dung là Công ty Nhà Đ nhận chuyển nhượng toàn bộ 13.000.000.000đồng vốn góp của Công ty T trong Công ty Nhà Đ nêu trên. Thời hạn thanh toán cụ thể như sau:

- Trước ngày 05/01/2016 thanh toán 8.707.500.000đồng;
- Trong thời gian từ ngày 15/4/2016 đến ngày 20/4/2016 thanh toán 4.292.500.000đồng (theo phụ lục).

Đến ngày 05/01/2016, Công ty Nhà Đ có Công văn số 01/CV-2016 yêu cầu điều chỉnh lại kế hoạch thanh toán số tiền nêu trên và cam kết thực hiện đúng tiến độ, cụ thể như sau:

- Đợt 1 là từ ngày 15/01/2016 đến ngày 20/01/2016 thanh toán 4.292.500.000đồng;
- Đợt 2 là từ ngày 15/3/2016 đến ngày 20/3/2016 thanh toán 4.000.000.000đồng;
- Đợt 3 là từ ngày 15/4/2016 đến ngày 20/4/2016 thanh toán 4.707.500.000đồng.

Tuy nhiên đến nay, Công ty Nhà Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết.

Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty Nhà Đ thanh toán 13.000.000.000đồng cho Công ty T theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ và Phụ lục số 01 ngày 11/01/2016 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Công ty T không có yêu cầu gì khác.

Công ty T cũng đã gửi thông báo việc khởi kiện đến tất cả thành viên của Công ty Nhà Đ.

Bị đơn - Công ty Nhà Đ và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lương Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Công ty T khởi kiện Công ty Nhà Đ về hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp là tranh chấp kinh doanh, thương mại giữa thành viên công ty với công ty liên quan đến hoạt động của công ty về chuyển nhượng vốn góp theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty Nhà Đ có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án được thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Công văn số 3151/ĐKKD-THKT ngày 31/5/2018 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Công ty Nhà Đ đang đăng ký hoạt động, ông Lương Văn K là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty, Công ty T là một trong những thành viên góp vốn trong Công ty Nhà Đ với tỷ lệ phần vốn góp là 20%.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bị đơn - Công ty Nhà Đ không có lời khai, không có văn bản trình bày ý kiến và mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

Căn cứ lời khai của đại diện hợp pháp của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như: Bản sao Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 05/11/2012; Bản sao Thông báo trích lục về việc xác nhận góp vốn số 09/TB-2012 ngày 05/5/2012; Bản sao các Ủy nhiệm chi số 163/06 lập ngày 30/6/2009, số 76/09 lập ngày 16/9/2008, số 44/03 lập ngày 11/3/2008 và số 75/01 lập ngày 15/01/2009; Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ ngày 01/12/2015; Bản sao Phụ lục 01 ngày 11/01/2016 của HĐ số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ; Bản sao Công văn số 01/CV-2016 ngày 05/01/2016; Văn bản phúc đáp số 170/2018/MB – BSG/TATP – TKT ngày 13/9/2018 của Ngân hàng TMCP Q về việc thực hiện chuyển tiền theo các Ủy nhiệm chi do nguyên đơn cung cấp nêu trên và các tài liệu khác đã thể hiện Công ty T là thành viên Công ty Nhà Đ, với số tiền vốn đã góp là 13.000.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng thành viên của Công ty Nhà Đ đã chấp nhận thoái vốn, mua lại và hoàn trả số vốn góp cho Công ty T. Sau đó, Công ty Nhà Đ tiếp tục thỏa thuận nhận chuyển nhượng

mua lại phần vốn góp và hoàn trả số vốn 13.000.000.000đồng cho Công ty T, thời hạn thanh toán đến ngày 20/4/2016 theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ ngày 01/12/2015, Phụ lục 01 ngày 11/01/2016 của Hợp đồng số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ; Công văn số 01/CV-2016 ngày 05/01/2016.

Xét thấy, Công ty Nhà Đ đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác và được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập hợp lệ nhưng Công ty Nhà Đ không có ý kiến trình bày đối với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn - Công ty Nhà Đ cũng không có mặt tại phiên tòa là đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ lời khai của đại diện hợp pháp của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, Công ty Nhà Đ đã chấp nhận việc thoái vốn, mua lại phần vốn góp của Công ty T với giá chuyển nhượng là 13.000.000.000đồng, thời hạn thanh toán đến ngày 20/4/2016 theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ ngày 01/12/2015, Phụ lục 01 ngày 11/01/2016 của Hợp đồng số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ và Công văn số 01/CV-2016 ngày 05/01/2016. Công ty T trình bày đến nay Công ty Nhà Đ vẫn chưa thanh toán số tiền phải thanh toán theo hợp đồng nên việc Công ty T yêu cầu Công ty Nhà Đ trả số tiền 13.000.000.000đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định tại Điều 50, Điều 52, Điều 56 của Luật Doanh Nghiệp; Điều 274 của Bộ luật Dân sự, có cơ sở pháp lý để được chấp nhận.

Ngoài ra, Công ty T không có yêu cầu gì khác.

Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 30, Điều 37, Điều 38, Điều 70, Điều 71, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 50, Điều 52 và Điều 56 của Luật Doanh Nghiệp;

Áp dụng Điều 274 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Đ phải hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền 13.000.000.000 đồng (Mười ba tỷ đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 258TCT/HĐCNVG/TCT-ĐĐ ngày 01/12/2015, Phụ lục 01 ngày 11/01/2016.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH Một thành viên T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Đ chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Đ phải chịu là 121.000.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu đồng).

Công ty TNHH Một thành viên T không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.500.000 đồng (sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007630 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Một thành viên T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Đ vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP HCM;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ (18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong

